

Tài chính chuỗi giá trị hỗ trợ hợp tác xã liên kết với doanh nghiệp

HOÀNG VŨ QUANG*

Thời gian qua, liên kết chuỗi giá trị nông sản giữa hợp tác xã (HTX) và doanh nghiệp (DN) đã phát triển do có nhiều chính sách hỗ trợ của Nhà nước, sự hỗ trợ của các DN tham gia chuỗi giá trị và các đối tác phát triển cho HTX. Tuy nhiên hiện nay, tài chính chuỗi giá trị (TCCGT) hỗ trợ HTX liên kết với DN còn có những hạn chế, như: thiếu tài sản thế chấp, liên kết giữa DN và HTX chưa bền vững. Thời gian tới, để phát triển chuỗi giá trị này cần thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ.

THỰC TRẠNG

TCCGT là các dòng tiền đến và giữa các liên kết khác nhau trong chuỗi giá trị để giải quyết các nhu cầu và khó khăn của các tác nhân trong chuỗi nhằm đảm bảo cho việc mua, bán sản phẩm, giảm rủi ro và cải thiện hiệu quả của chuỗi.

Để đánh giá thực trạng TCCGT hỗ trợ HTX, tác giả tiến hành khảo sát 38 HTX và 33 DN có liên kết chuỗi giá trị trong thời gian từ tháng 7/2018 đến tháng 7/2019 (trong đó, miền Bắc 12 HTX và 13 DN, miền Trung 11 HTX và 9 DN, miền Nam 15 HTX và 11 DN). Kết quả khảo sát cho thấy, trong mô hình liên kết chuỗi giá trị của HTX với DN tồn tại cả 3 dạng TCCGT là tự tài trợ, TCCGT trực tiếp và TCCGT gián tiếp theo phân loại của nghiên cứu của USAID (2008), Shrestha và cộng sự (2010) và IFAD (2012). Cụ thể như sau:

Tự tài trợ của HTX

HTX khi tham gia liên kết chuỗi giá trị với DN thường phải cung cấp cho thành viên HTX các dịch vụ phục vụ sản xuất, như: vật tư đầu vào (con giống, cây giống, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y...); dịch vụ sản xuất (làm đất, gieo sạ, phun thuốc, thú y, thủy lợi...); tổ chức đào tạo, tập huấn cho thành viên; dịch vụ sau thu hoạch (vận chuyển, bảo quản, sơ chế, giết mổ, phân phối...) (Bảng 1).

Để cung cấp các dịch vụ này, HTX cần phải đầu tư mua vật tư đầu vào, trang bị máy móc, xây dựng nhà xưởng... HTX thường cho thành viên trả chậm hoặc trả

vào cuối vụ. Vì vậy, HTX cần phải có vốn. Nguồn vốn có thể từ nguồn tự có của HTX, huy động từ thành viên hoặc đi vay. Các dịch vụ giữa HTX và thành viên tạo nên dòng tài chính giữa HTX với thành viên và được gọi là dòng tài chính tự tài trợ.

Kết quả khảo sát cho thấy, đối với các hoạt động, như: sơ chế, bảo quản, chế biến và phân phối sản phẩm, các HTX phải tự đầu tư nguồn vốn khá lớn (Bảng 2). Theo đó, trung bình HTX phải đầu tư mới khoảng 3,2 tỷ đồng, trong đó 78,2% là từ nguồn vốn tự có của HTX. Việc tổ chức các dịch vụ này không chỉ thuận lợi cho việc tiêu thụ sản phẩm của thành viên, mà còn tạo ra giá trị gia tăng cho sản phẩm của thành viên. Lợi nhuận từ các hoạt động này một phần được chia lại cho các thành viên.

BẢNG 1: TỶ LỆ HTX CUNG CẤP DỊCH VỤ SAU KHI THAM GIA LIÊN KẾT CHUỖI GIÁ TRỊ

STT	Dịch vụ	Tỷ lệ HTX (%)
1	Cung ứng vật tư đầu vào SX	39,5
2	Cung ứng dịch vụ SX	7,9
3	Thu hoạch, vận chuyển	28,9
4	Sơ chế, bảo quản, giết mổ	34,2
5	Chế biến sản phẩm	13,2
6	Thu gom, phân loại	55,5
7	Phân phối	26,3

BẢNG 2: SỐ TIỀN ĐẦU TƯ MỚI CỦA HTX ĐỂ PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG SƠ CHẾ, CHẾ BIẾN VÀ THƯƠNG MẠI SẢN PHẨM

STT	Nguồn vốn đầu tư	Số tiền (1.000đ)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng số tiền đầu tư mới để thực hiện hoạt động	3.151,2	100
	Trong đó:		
2	Vốn tự có của HTX	2.464,5	78,2
3	Nhà nước hỗ trợ	27,5	0,9
4	Tác nhân khác hỗ trợ	17,1	0,5
5	HTX vay thương mại	642,2	20,4

Nguồn: Tính toán của tác giả

1018-

*TS., Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển nông nghiệp nông thôn

TCCGT trực tiếp

TCCGT trực tiếp là sự chuyển tài chính (tiền, vật chất, dịch vụ) giữa các tác nhân trong chuỗi giá trị. Trong 38 HTX khảo sát, thì phần lớn HTX chỉ có một hợp đồng liên kết giữa HTX với DN mua sản phẩm. Một số HTX có thêm hợp đồng với tác nhân cung cấp vật tư, dịch vụ cho HTX. Kết quả cụ thể như sau:

Về TCCGT trực tiếp giữa HTX và DN mua nông sản của HTX. Trong hợp đồng liên kết giữa HTX và DN mua nông sản của HTX, thì dòng tài chính đi từ DN đến HTX gồm:

- **DN ứng trước tiền, vật tư đầu vào cho HTX.** DN hoặc là ứng trước tiền mặt để hộ nông dân tự mua vật tư đầu vào hoặc DN ứng trước vật tư đầu vào cho hộ nông dân. DN đầu tư trước vật tư đầu vào cho HTX thường là DN có sản xuất, kinh doanh vật tư đầu vào hoặc DN yêu cầu HTX phải sử dụng đúng loại vật tư đầu vào theo yêu cầu của DN để đảm bảo chất lượng sản phẩm. Mức độ đầu tư ứng trước tùy thuộc vào khả năng của doanh nghiệp, có trường hợp DN đầu tư ứng trước 100% cây giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, nhưng phổ biến là khoảng 50% chi phí vật tư đầu vào.

- **DN trả phí cho HTX để thúc đẩy liên kết.** Khoản tiền này thường được tính trên khối lượng sản phẩm mà DN mua từ HTX và mức trả tùy thuộc vào đối tác, và chất lượng sản phẩm, và mức độ phức tạp của quy trình kỹ thuật sản xuất áp dụng. Kết quả khảo sát cho thấy, 44,7% HTX được DN trả khoản tiền này.

- **DN trả chi phí chứng nhận GAP.** Trong trường hợp liên kết để sản xuất nông sản theo tiêu chuẩn chất lượng có chứng nhận, như: VietGAP, GlobalGAP, UTZ, 4C, hữu cơ... (gọi chung là GAP), thì thường DN phải trả các chi phí liên quan đến phân tích đánh giá chất lượng đất, nước, thức ăn chăn nuôi, chi phí đào tạo tập huấn hướng dẫn nông dân, chi phí đánh giá và cấp chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn. Kết quả khảo sát cho thấy, 68,4% HTX có liên kết chuỗi giá trị đã áp dụng GAP trong sản xuất so với 23,1% ở các HTX không tham gia liên kết chuỗi giá trị.

- **Chi phí của DN cho đào tạo, hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân.** Trong nhiều trường hợp, DN phải xây dựng mô hình trình diễn để tập huấn và trình diễn hiệu quả với nông dân trước khi mở rộng sản xuất. Không chỉ tập huấn, DN còn cử cán bộ theo dõi thực tế sản xuất, hướng dẫn cho hộ nông dân trong quá trình sản xuất. Kết quả khảo sát cho thấy, 13,2% HTX nhận được hỗ trợ của đối tác mua sản phẩm trong việc tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho hộ thành viên.

- **DN cử cán bộ tham gia quản lý HTX.** Trong nhiều mô hình, khi liên kết chuỗi giá trị với HTX, thì DN đã trở thành thành viên HTX và cử cán bộ của DN tham gia vào quản lý hoạt động HTX. Hoạt động này giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX, cũng như nâng cao dần năng lực của các cán bộ quản lý HTX là nông dân. Kết quả khảo sát cho thấy 18,5% DN có liên kết chuỗi giá trị với HTX đã cử cán bộ tham gia quản lý HTX.

- **DN góp vốn vào HTX.** Việc góp vốn này giúp HTX tăng vốn tự có để thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh

doanh. Sự góp vốn của DN vào HTX cũng đảm bảo sự cam kết liên kết lâu dài giữa DN và HTX, tạo niềm tin cho HTX đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh. Kết quả khảo sát cho thấy, 7,4% DN có liên kết chuỗi giá trị với HTX đã góp vốn vào HTX. Thực tế, nhiều DN muốn góp nhiều vốn vào HTX, nhưng giới hạn của Luật Hợp tác xã năm 2012 chỉ cho phép một thành viên góp tối đa 20% vốn điều lệ.

- **DN ủy quyền cho HTX thực hiện một số hoạt động.** Một số DN khi liên kết chuỗi giá trị với HTX đã ủy quyền cho HTX thực hiện một số công việc trong chuỗi giá trị, như: ủy quyền cho HTX thu mua, vận chuyển và thương mại sản phẩm. Việc ủy quyền này tạo ra việc làm, thu nhập cho HTX và thành viên, đảm bảo sự liên kết bền vững giữa DN và HTX. Trong một số trường hợp, DN còn hỗ trợ HTX trang thiết bị để triển khai hoạt động ủy quyền này.

- **Chia sẻ rủi ro của đối tác với HTX.** Khi tham gia liên kết chuỗi giá trị với DN, trong trường hợp HTX gặp các rủi ro, như: thiên tai, hạn hán, dịch bệnh... gây mất mùa, thiệt hại lớn đến sản xuất, HTX có thể nhận được sự chia sẻ rủi ro của DN bằng các hình thức, như: hỗ trợ một phần thiệt hại (5,3% HTX), cho HTX trả chậm khoản đầu tư ứng trước và tiếp tục hỗ trợ vật tư đầu vào cho vụ kế tiếp (7,9% HTX). Trong trường hợp có rủi ro về giá thị trường, DN cũng thực hiện cơ chế chia sẻ lợi cho HTX (21,1% HTX được DN mua với giá đã ký hợp đồng khi giá thị trường xuống thấp hơn và 26,3% HTX được DN mua theo giá trị trường, nếu tại thời điểm mua, giá trị trường cao hơn giá cam kết).

- **Hỗ trợ khác.** DN còn có các hình thức hỗ trợ khác cho HTX, như: tư vấn ươm kiểm công nghệ cho hoạt động sơ chế, bảo quản, chế biến, hỗ trợ xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh. Khảo sát DN cho thấy, 7,4% DN có các hình thức hỗ trợ khác cho HTX.

Về dòng tài chính giữa HTX và đối tác khác trong liên kết chuỗi giá trị. Trong các mô hình liên kết chuỗi giá trị có thêm đối tác khác ngoài HTX và DN thu mua sản phẩm, thì thường là đối tác cung cấp dịch vụ đầu vào. Trong 38 HTX được khảo sát, chỉ tìm thấy mô hình HTX ký hợp đồng riêng rẽ với đối tác cung cấp đầu vào và DN thu mua nông sản của HTX.

TCCGT gián tiếp

TCCGT gián tiếp là dòng tài chính đến HTX từ các tác nhân bên ngoài

chuỗi giá trị. Trong mô hình HTX khảo sát, thì có đồng tài chính gián tiếp đến từ Nhà nước và các dự án, tổ chức phát triển, cụ thể như sau:

Dòng tài chính hỗ trợ HTX từ Nhà nước

HTX khi tham gia liên kết chuỗi giá trị có thể nhận được nhiều hỗ trợ tài chính của Nhà nước dưới các hình thức và có thể gộp thành các nhóm sau:

Thứ nhất, hỗ trợ tập huấn, hướng dẫn áp dụng quy trình kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất nông nghiệp và trong sơ chế, bảo quản, chế biến nông sản. Khoảng 30% HTX nhận được hỗ trợ này.

Thứ hai, hỗ trợ HTX tiếp cận vốn, đất đai. HTX có thể nhận được vay vốn ưu đãi từ Quỹ phát triển HTX và được hỗ trợ lãi xuất. Khảo sát cho thấy, có 5,9% HTX được Nhà nước giao đất và 17,6% HTX được vay vốn ưu đãi, được hỗ trợ tiền thuê đất.

Thứ ba, hỗ trợ vật tư, nhà xưởng, máy móc trang thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp, sơ chế, bảo quản, chế biến. 17,6% HTX nhận được hỗ trợ này.

Thứ tư, hỗ trợ xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh, tìm kiếm máy móc, công nghệ (11,8% HTX). Hình thức hỗ trợ này thường được thực hiện thông qua tư vấn của cán bộ phát triển HTX, cán bộ nông nghiệp địa phương.

Thứ năm, hỗ trợ HTX xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm dưới các hình thức, như: hỗ trợ tài chính để HTX tham gia hội chợ, triển lãm, in tờ rơi giới thiệu sản phẩm, hỗ trợ HTX in bao bì, tem nhãn sản phẩm và hỗ trợ tài chính cho HTX được cấp chứng nhận chất lượng sản phẩm.

Về dòng tài chính hỗ trợ HTX của dự án, tổ chức phát triển

Các dự án, tổ chức phát triển hỗ trợ HTX bằng nhiều hình thức, như: (i) Tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất nông nghiệp; (ii) Hỗ trợ vật tư đầu vào, trang

thiết bị; (iii) Hỗ trợ xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh và tìm kiếm công nghệ máy móc; (iv) Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm của HTX. Nhìn chung, tỷ lệ HTX nhận được hỗ trợ của dự án, tổ chức phát triển thấp hơn nhiều so với hỗ trợ trực tiếp từ tác nhân trong chuỗi giá trị và từ Nhà nước.

HẠN CHẾ CỦA TCCGT VÀ GIẢI PHÁP KHÁC PHỤC

Khi liên kết chuỗi giá trị, DN và HTX cần có nguồn lực tài chính nhiều hơn. DN phải đầu tư tài chính cho HTX và HTX phải đầu tư để triển khai thêm hoạt động. Do đó, nhu cầu tài chính từ bên ngoài chuỗi giá trị từ các ngân hàng thương mại là cần thiết. Tuy nhiên, việc tiếp cận vốn tín dụng của DN và HTX theo tín dụng chuỗi giá trị còn nhiều hạn chế, khó khăn, mặc dù đã có chính sách cho vay theo chuỗi giá trị. Nguyên nhân là thiếu tài sản thế chấp, liên kết giữa DN và HTX chưa bền vững, quản trị HTX chưa công khai minh bạch, hiệu quả hoạt động của HTX thấp. Bảo hiểm nông nghiệp được triển khai chậm, rất ít HTX có bảo hiểm nông nghiệp. Chính vì vậy, các ngân hàng thương mại đánh giá TCCGT còn tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Để khắc phục các hạn chế trên và thúc đẩy tín dụng chuỗi giá trị, theo tác giả, thời gian tới cần thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, HTX cần được quản trị công khai, minh bạch; tăng cường tích lũy vốn tự có của HTX để tăng nguồn vốn đối ứng của HTX và minh chứng cho hiệu quả hoạt động của HTX trong việc thuyết phục các ngân hàng thương mại cung cấp vốn cho HTX.

Hai là, cần nghiên cứu áp dụng các cơ chế tín dụng TCCGT mới. Theo đó, hợp đồng liên kết chuỗi giá trị được sử dụng, như: vật đảm bảo cho tín dụng; áp dụng tín dụng chuỗi giá trị với sự tham gia bảo lãnh của Nhà nước (như sử dụng Quỹ phát triển HTX để bảo lãnh cho tín dụng của HTX); áp dụng cơ chế chia sẻ rủi ro trong tín dụng chuỗi giá trị giữa ngân hàng, DN, HTX và tổ chức bảo lãnh cho HTX.

Ba là, thúc đẩy hỗ trợ phát triển liên kết bền vững giữa DN và HTX để tăng tính tin cậy với ngân hàng trong việc cung cấp tín dụng chuỗi giá trị. Đẩy mạnh hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp cho HTX để giảm rủi ro trong sản xuất nông nghiệp. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Vũ Quang, Phạm Duy Khánh, Bùi Quang Nguyên, Bùi Tuấn Anh, Nguyễn Văn Ba (2017). *Thực trạng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi ở Việt Nam*, Báo cáo kết quả nghiên cứu
2. Fries, B. (2007). *The value chain framework, rural finance, and lessons for TA providers and donors*, Presentation at the International Conference: Agri Revolution: Financing the Agricultural Value Chain, Mumbai, India
3. IFAD (2012). *Agricultural value chain finance strategy and design*, Technical note
4. Shrestha, Roshan, Krug C. E. (2010). *Microfinance for inclusive economic growth - Business models for value chain finance through cooperatives*, Presentation of GTZ
5. USAID (2008). *Finance in value chain analysis*, A synthesis paper